

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT KẾT QUẢ THI
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN**

Khoá thi ngày 14/03/2021

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHPVĐ ngày tháng năm 2021)

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành		
1	Ngô Thị Khánh Ánh	19/09/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6	6	Đạt	
2	Phạm Văn Cum	16/08/1988	Quảng Ngãi	Nam	Hre	6	7	Đạt	
3	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	10/03/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8	8	Đạt	
4	Trương Tuấn Đạt	07/11/2000	Hà Nội	Nam	Kinh	7	7.5	Đạt	
5	Đỗ Tiến Minh Đăng	18/08/1994	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8	7.5	Đạt	
6	Phan Văn Đông	20/03/1981	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6	7	Đạt	
7	Bùi Trung Đức	08/11/1995	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7.5	6.5	Đạt	
8	Phạm Văn Đức	01/03/2000	Quảng Ngãi	Nam	Hre	5	5	Đạt	
9	Phạm Văn E	20/11/1983	Quảng Ngãi	Nam	Hre	5	5	Đạt	
10	Lương Thị Lê Hiếu	21/02/1990	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7.5	5.5	Đạt	
11	Nguyễn Tấn Hiếu	25/05/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6	5.5	Đạt	
12	Phạm Công Hoàng	08/08/2001	Quảng Nam	Nam	Kinh	6.5	8	Đạt	
13	Võ Bá Hồ	02/03/1991	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8	6	Đạt	
14	Nguyễn Phan Thanh Huệ	21/11/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5	5.5	Đạt	
15	Phạm Văn Hút	07/08/1985	Quảng Ngãi	Nam	Hre	6.5	5	Đạt	
16	Đặng Thị Việt Hương	06/04/1980	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7	5	Đạt	
17	Phạm Văn Inh	15/07/1985	Quảng Ngãi	Nam	Hre	8	5	Đạt	
18	Nguyễn Minh Khôi	20/02/1985	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6	5.5	Đạt	
19	Võ Thị Lắm	02/04/1990	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6	6	Đạt	
20	Đinh Thị Mỹ Linh	07/07/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8	6	Đạt	
21	Trần Duy Linh	30/11/1981	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	9	7	Đạt	
22	Nguyễn Thị Thúy Loan	08/07/1988	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7.5	8.5	Đạt	
23	Đinh Thị Lý	22/08/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Hre	5	6	Đạt	
24	Nguyễn Thị Soi Ni	25/08/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5.5	6	Đạt	
25	Nguyễn Minh Ngọc	09/02/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8	8	Đạt	
26	Nguyễn Tấn Ngự	12/11/1972	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7.5	7	Đạt	
27	Võ Duy Nhất	27/07/1992	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8	5	Đạt	
28	Nguyễn Tấn Nho	20/12/1994	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5.5	5	Đạt	
29	Hồ Thị Oanh	14/06/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Kor	8	5	Đạt	
30	Phạm Văn Quả	12/03/1982	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8.5	7	Đạt	

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành		
31	Nguyễn Thành Quang	01/01/1986	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7	7	Đạt	
32	Bùi Thị Quí	13/03/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8	7	Đạt	
33	Trương Duy Quý	20/10/1982	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8	7	Đạt	
34	Hồ Thị Thu Sang	01/11/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5	6	Đạt	
35	Phạm Văn Tem	15/03/1979	Quảng Ngãi	Nam	Hre	5.5	6	Đạt	
36	Đặng Thị Thanh Tiên	26/02/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6.5	5	Đạt	
37	Võ Thị Cẩm Tiên	12/09/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7	5.5	Đạt	
38	Bùi Trọng Tiến	01/06/1994	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	9	6	Đạt	
39	Trần Minh Tú	10/10/1995	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6	7	Đạt	
40	Nguyễn Thanh Tuấn	10/09/1980	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	9	9	Đạt	
41	Nguyễn Thị Xuân Thảo	23/12/1986	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8	5	Đạt	
42	Hồ Ngọc Thịnh	24/07/1974	Thanh Hóa	Nam	Kor	6.5	8	Đạt	
43	Phạm Văn Thu	01/01/1985	Quảng Ngãi	Nam	Hre	5.5	9	Đạt	
44	Trần Thị Thủy	26/03/1988	Nam Định	Nữ	Kinh	5.5	8	Đạt	
45	Nguyễn Tú Trinh	28/04/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8.5	5	Đạt	
46	Nguyễn Trần Cẩm Trinh	28/04/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7	5	Đạt	
47	Phạm Văn Trò	12/12/1976	Quảng Ngãi	Nam	Hre	6	7	Đạt	
48	Phạm Văn Trò	26/05/1982	Quảng Ngãi	Nam	Hre	5.5	7	Đạt	
49	Lê Mỹ Hoàng Uyên	15/03/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7	9	Đạt	
50	Trương Nguyễn Hằng Uyên	22/11/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7	10	Đạt	
51	Võ Thị Thu Uyên	22/06/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7	7.5	Đạt	
52	Phạm Thị Bích Ván	18/10/1990	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6	9	Đạt	
53	Hồ Thị Tường Vi	08/02/1997	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5	6	Đạt	
54	Nguyễn Trần Thảo Vi	08/07/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5.5	7	Đạt	
55	Lê Thị Viên	28/09/1988	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8.5	8	Đạt	
56	Võ Thị Vy	30/04/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9	8	Đạt	
57	Trần Thế Vỹ	10/10/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5.5	8	Đạt	
58	Võ Thị Mai Vỹ	03/03/1984	Quảng Ngãi	Nữ	Kor	5	8	Đạt	
59	Phạm Bảo Ny	11/04/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5.5	6.0	Đạt	
60	Bùi Thành Trung	09/08/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6.5	8.5	Đạt	

Danh sách này có: 60 thí sinh.